

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN YÊN
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2018/HNGĐ-ST

Ngày 26/9/2018

“V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình
giữa chị C với anh H”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN YÊN, TỈNH BẮC GIANG
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

- Thẩm phán - chủ tọa phiên toà: Ông Phạm Thế Đăng
- Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Lâm Giang
2. Ông Nguyễn Đức Sơn

Thư ký Toà án bà Đoàn Thị Oanh - Cán bộ Tòa án ghi biên bản phiên toà.

Đại diện VKS tham gia phiên toà: bà Nguyễn Thị Nghĩa - Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Yên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện T, tỉnh B xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 198/2018/TLST- HNGĐ ngày 19 tháng 7 năm 2018 về việc “tranh chấp hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 111/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

- 1- Nguyên đơn: chị Nguyễn Thị C - sinh năm 1978
Nơi cư trú: khu Th, thị trấn C, huyện T, tỉnh B. (Có mặt).
- 2- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn H - sinh năm 1976
Nơi cư trú: khu Th, thị trấn C, huyện T, tỉnh B. (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị C trình bày:

Chị kết hôn với H năm 1996, có đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện T, tỉnh B. Sau khi kết hôn, anh H hay chơi bời bạn bè rồi đánh đập chửi bới chị. Chị đã khuyên nhiều lần nhưng anh H không thay đổi. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng không hạnh phúc, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh H.

Về con chung: Chị và anh H có 03 con chung. Trong đó, con lớn nhất là Nguyễn Văn T – sinh năm 1997 đã trưởng thành nên chị không yêu cầu giải

quyết. Còn hai con nhỏ là Nguyễn Thị N – sinh năm 2001 và Nguyễn Xuân H – sinh năm 2008 thì chị yêu cầu được nuôi con và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản, công nợ, ruộng canh tác, công sức đóng góp: chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên toà, chị C giữ nguyên yêu cầu.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 02/8/2018, bị đơn là anh Nguyễn Văn H trình bày:

Anh và chị C kết hôn năm 1996 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã C (nay là thị trấn C), huyện T. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến tháng 10/2017, vợ chồng nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do chị C thường đi khỏi nhà 2-3 ngày mới trở về nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau, không quan tâm đến nhau, việc ai người ấy làm. Nay anh cũng xác định không còn tình cảm vợ chồng, chị C xin ly hôn thì anh cũng đồng ý nhưng anh xin được vắng mặt trong các buổi làm việc, hoà giải và xét xử tại Tòa án.

Về con chung: Anh và chị C có 03 con chung. Trong đó, con lớn nhất là Nguyễn Văn T đã trưởng thành đi nghĩa vụ quân sự. Còn hai con nhỏ là Nguyễn Thị N – sinh năm 2001 và Nguyễn Xuân H – sinh năm 2008 hiện nay đang ở với anh. Khi ly hôn, anh đề nghị Tòa án quyết định việc nuôi con tùy theo nguyện vọng của các con chung. Nếu các cháu ở với anh thì anh đồng ý nuôi và không yêu cầu chị C phải cấp dưỡng nuôi con. Còn các cháu ở với chị C thì anh cũng đồng ý nhưng anh không đồng ý cấp dưỡng nuôi con cùng chị C do anh đang bị bệnh.

Về tài sản, công nợ, ruộng canh tác, công sức đóng góp: anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện VKSND huyện T phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng đều thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng theo đúng quy định của pháp luật. Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu ly hôn và yêu cầu nuôi con của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án và thẩm tra chứng cứ tại phiên tòa, sau khi nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết, thủ tục tố tụng: Chị C khởi kiện yêu cầu ly hôn anh H có nơi cư trú tại khu Th, thị trấn C, huyện T. Tòa án nhân dân huyện T thụ lý giải quyết vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành hòa giải không thành và đưa vụ án ra xét xử là đúng quy định.

[2] Về quan hệ hôn nhân: chị C và anh H kết hôn năm 1996 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã C nên hôn nhân giữa anh chị là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, chị C về nhà anh H chung sống hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng theo chị C thì anh chị mâu thuẫn từ năm 2009 do anh H không chịu làm ăn, thường xuyên chơi bời uống rượu say rồi chửi bới, đánh đập chị khiến sợ hãi, sức khỏe của chị giảm sút, ảnh hưởng đến việc học tập của các con. Theo anh H thì mâu thuẫn phát sinh từ năm 2017 do chị C thường xuyên đi khỏi nhà mấy hôm mới về dẫn đến vợ chồng cãi nhau, không quan tâm đến nhau. Tuy hai bên đều cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn là xuất phát từ phía bên kia nhưng đều dẫn đến hậu quả là chị C ra ngoài thuê nhà ở, vợ chồng sống ly thân từ tháng 9/2017 đến nay không quan tâm chăm sóc nhau. Tại phiên tòa, anh H không đồng ý ly hôn vì xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn nhưng anh không có biện pháp gì để hàn gắn vợ chồng nhưng tại biên bản ghi lời khai anh H cũng thừa nhận tình cảm vợ chồng đã hết. Còn chị C vẫn kiên quyết yêu cầu ly hôn anh H. HĐXX thấy: chị Cúc và anh Hưng có mâu thuẫn dẫn đến vợ chồng sống ly thân từ cách đây khoảng 1 năm và không quan tâm thăm hỏi nhau, chị C kiên quyết không đoàn tụ với anh H. Như vậy, mâu thuẫn giữa anh chị đã trầm trọng, đời sống chung không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, cần xử cho chị C ly hôn anh H.

[3] Về con chung: Chị C và anh H có 03 con chung, cháu lớn nhất là Nguyễn Văn T – sinh năm 1997 đã trưởng thành, anh chị không yêu cầu giải quyết. Đối với hai con nhỏ là Nguyễn Thị N – sinh năm 2001 và Nguyễn Xuân H – sinh năm 2008 thì chị C yêu cầu được nuôi cả hai cháu. Anh H đề nghị giao con chung theo nguyện vọng của các cháu. Xét nguyện vọng của hai cháu đều đề nghị ở với chị C. Chị C hiện nay đi làm công nhân thu nhập ổn định có điều kiện nuôi dưỡng được các cháu. Anh H hiện nay sức khỏe kém do bị bệnh. Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, HĐXX cần giao hai cháu N, H cho chị C trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với điều kiện hoàn cảnh của anh chị và phù hợp với nguyện vọng của hai cháu.

Về cấp dưỡng nuôi con: chị C không yêu cầu nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[4]. Về tài sản, công nợ, công sức đóng góp, ruộng canh tác: chị C và anh H đều không đề nghị giải quyết nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

[5]. Về án phí: chị C phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật. Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Khoản 1 Điều 56; khoản 2 Điều 81; khoản 3 Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn Thị C được ly hôn anh Nguyễn Văn H.

2. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị C nuôi dưỡng hai con chung là Nguyễn Thị – sinh ngày 10/8/2001 và Nguyễn Xuân H – sinh ngày 23/9/2008. Anh Nguyễn Văn H có quyền, nghĩa vụ thăm nom các con chung mà không ai được cản trở anh Hưng thực hiện quyền, nghĩa vụ này. Về cấp dưỡng nuôi con: Không xem xét giải quyết.

3. Về án phí: chị Nguyễn Thị C phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số AA/2017/0002060 ngày 19/7/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T. Xác nhận chị C đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh B;
- VKSND huyện T;
- CCTHADS huyện T;
- UBND thị trấn C;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Đã ký